

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

DỰ THẢO

**DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN  
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN, NÂNG BẬC TRƯỚC THỜI HẠN ĐỂ NGHỈ HƯU,  
PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG TÍNH ĐẾN 30 THÁNG 6 NĂM 2018**

*(Kèm theo Thông báo số: 1129/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh |    | Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương |                              |                 |                            |                                                              |                           | Kết quả nâng bậc lương tính đến 30/6/2018 |                        |                               |                                                              |                                         |                                                                                   |
|----|-----------|-----------------------|----|-------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|    |           | Nam                   | Nữ | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo            | Chức danh hoặc ngạch (mã số) | Bậc trong ngạch | Hệ số lương ở bậc hiện giữ | Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung | Thời gian được tính hưởng | Chức danh hoặc ngạch (Mã số)              | Bậc lương sau nâng bậc | Hệ số lương mới được nâng bậc | Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung | Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau | Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp thâm niên vượt khung trong năm (đồng) |
| 1  | 2         | 3                     | 4  | 5                                                     | 6                            | 7               | 8                          | 9                                                            | 10                        | 11                                        | 12                     | 13                            | 14                                                           | 15                                      | 16                                                                                |

**I. CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN**

|    |                       |            |            |           |            |   |      |   |         |            |   |      |   |         |           |
|----|-----------------------|------------|------------|-----------|------------|---|------|---|---------|------------|---|------|---|---------|-----------|
| 1  | Võ Trần Quốc Việt     | 30/11/1987 |            | Cao đẳng  | V.08.08.23 | 2 | 2,06 | 0 | 03/2016 | V.08.08.23 | 3 | 2,26 | 0 | 03/2018 | 1.040.000 |
| 2  | Nguyễn Thị Ngọc Duyên |            | 10/02/1982 | Trung học | V.08.05.13 | 5 | 2,66 | 0 | 03/2016 | V.08.05.13 | 6 | 2,86 | 0 | 03/2018 | 1.040.000 |
| 3  | Phạm Thị Minh Thương  |            | 05/06/1984 | Trung học | V.08.05.13 | 5 | 2,66 | 0 | 03/2016 | V.08.05.13 | 6 | 2,86 | 0 | 03/2018 | 1.040.000 |
| 4  | Trần Thị Diễm Đoan    |            | 06/10/1983 | Trung học | V.08.05.13 | 5 | 2,66 | 0 | 03/2016 | V.08.05.13 | 6 | 2,86 | 0 | 03/2018 | 1.040.000 |
| 5  | Võ Thị Ngọc Phượng    |            | 24/04/1986 | Trung học | V.08.05.13 | 5 | 2,66 | 0 | 03/2016 | V.08.05.13 | 6 | 2,86 | 0 | 03/2018 | 1.040.000 |
| 6  | Vũ Thị Nga            |            | 30/10/1983 | THCN      | 16,124     | 6 | 2,86 | 0 | 02/2016 | 16,124     | 7 | 3,08 | 0 | 02/2018 | 1.430.000 |
| 7  | Huỳnh Thị Thu Huyền   |            | 27/07/1987 | Đại học   | 06.031     | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | 06.031     | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 8  | Phạm Huy Trung        | 07/07/1967 |            |           | 01.010     | 5 | 2,77 | 0 | 06/2016 | 01.010     | 6 | 2,95 | 0 | 06/2018 | 234.000   |
| 9  | Trần Thị Thắm         |            | 24/01/1983 | Đại học   | 13.095     | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | 13.095     | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 10 | Bùi Thị Như Linh      |            | 20/10/1982 | Thạc sỹ   | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 11 | Hoàng Thị Anh Phương  |            | 05/05/1986 | Đại học   | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 12 | Nguyễn Văn Trọng      | 15/04/1987 |            | Đại học   | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |

|    |                        |            |            |         |            |   |      |   |         |            |   |      |   |         |           |
|----|------------------------|------------|------------|---------|------------|---|------|---|---------|------------|---|------|---|---------|-----------|
| 13 | Lê Anh Dương           | 08/06/1977 |            | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 6 | 3,99 | 0 | 01/2015 | V.07.01.03 | 7 | 4,32 | 0 | 01/2018 | 2.574.000 |
| 14 | Trần thị Thanh Vân     |            | 10/04/1985 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 15 | Phạm Thị Trang         |            | 09/01/1988 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 16 | Trần Thị Lệ Thanh      |            | 08/09/1977 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 6 | 3,99 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 17 | Tôn Thất Trường Nam    | 02/10/1988 |            | Đại học | 13.095     | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | 13.095     | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 18 | Phạm Thị Phương        |            | 02/06/1987 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 19 | H Ru Đa Niê            |            | 06/06/1988 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 20 | Trịnh Thị Huyền Trang  |            | 08/11/1987 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 21 | Trần Thị Ngọc          |            | 03/09/1987 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 22 | Trần Thị Minh Hà       |            | 20/11/1988 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 23 | Đoàn Chiến Thắng       | 07/05/1988 |            | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 24 | Đặng Thị Thùy My       |            | 19/06/1988 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 25 | Đàm Thị Bích Hạnh      |            | 21/12/1988 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 26 | Nguyễn Thị Phương Đông |            | 10/09/1988 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 27 | Trần Thị Thanh Thảo    |            | 01/04/1988 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 28 | Trần Thành Thắng       | 15/01/1983 |            | Tiến sỹ | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 29 | Dương Quốc Huy         | 01/01/1985 |            | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 30 | Phạm Thị Bé            |            | 15/02/1985 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 31 | Bùi Thị Quỳnh Hoa      |            | 08/02/1981 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 32 | Nguyễn Ngọc Tự         | 15/07/1978 |            | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 6 | 3,99 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 33 | Văn Ngọc Sáng          | 05/08/1971 |            | Tiến sỹ | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 05/2014 | V.07.01.02 | 3 | 5,08 | 0 | 01/2018 | 2.652.000 |
| 34 | Đỗ Thị Thanh Xuân      |            | 10/12/1990 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 01/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 01/2018 | 2.574.000 |
| 35 | Hoàng Quang Du         | 26/04/1989 |            | Đại học | 01.003     | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | 01.003     | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 36 | Lê Thanh Hà            | 28/04/1983 |            | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 37 | Đặng Thị Thu Vân       |            | 21/08/1988 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 38 | Phan Thị Thúy          |            | 22/04/1988 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 39 | Võ Thị Hồng Diễm       |            | 26/10/1988 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 40 | Nguyễn Thị Đức Hiếu    |            | 30/05/1988 | Thạc sỹ | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 41 | Nguyễn Thị Trà Giang   |            | 07/10/1987 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 42 | Bùi Thị Thanh Thùy     |            | 24/11/1987 | Đại học | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |

|    |                            |            |            |          |            |   |      |   |         |            |   |      |   |         |           |
|----|----------------------------|------------|------------|----------|------------|---|------|---|---------|------------|---|------|---|---------|-----------|
| 43 | Hà Thị Kim Duyên           |            | 10/04/1985 | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 44 | Nguyễn Thị Phương Thảo A   |            | 10/01/1985 | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 05/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 05/2018 | 858.000   |
| 45 | Dương Minh Ngọc            | 02/09/1983 |            | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 05/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 05/2018 | 858.000   |
| 46 | Nguyễn Thị Mỹ Liên         |            | 01/01/1972 | Thạc sỹ  | V.07.01.02 | 3 | 5,08 | 0 | 01/2015 | V.07.01.02 | 4 | 5,42 | 0 | 01/2018 | 2.652.000 |
| 47 | Hoàng Minh Thu Hương       |            | 30/09/1970 | Thạc sỹ  | V.07.01.02 | 3 | 5,08 | 0 | 01/2015 | V.07.01.02 | 4 | 5,42 | 0 | 01/2018 | 2.652.000 |
| 48 | Nguyễn Thị Anh Thư         |            | 01/06/1985 | Cao đẳng | V.05.02.08 | 4 | 2,46 | 0 | 06/2016 | V.05.02.08 | 5 | 2,66 | 0 | 06/2018 | 260.000   |
| 49 | Trình Công Huyền Vy        |            | 10/01/1988 | Đại học  | 13.095     | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | 13.095     | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 50 | Nguyễn Thị Tinh            |            | 11/04/1987 | Đại học  | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 51 | Nguyễn Thị Hương Cẩm       |            | 28/10/1987 | Đại học  | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 52 | Nguyễn Thị Thảo            |            | 26/05/1988 | Đại học  | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 53 | Trần Thị Xuân Phần         |            | 16/01/1988 | Đại học  | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 54 | Chung Như Anh              |            | 14/08/1985 | Đại học  | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 55 | Trần Thị Lệ Trà            |            | 05/01/1988 | Kỹ sư    | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 56 | Hoàng Trọng Khánh          | 05/09/1985 |            | Đại học  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 57 | Nguyễn Thúy Cường          |            | 12/09/1985 | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 58 | Trang Thị Nguyệt Quế       |            | 27/06/1985 | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 59 | Triệu Thị Lắng             |            | 17/02/1985 | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 60 | Ngô Thế Sơn                | 02/09/1985 |            | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 61 | Nguyễn Thị Hằng            |            | 11/02/1981 | Đại học  | 13.095     | 4 | 3,33 | 0 | 06/2015 | 13.095     | 5 | 3,66 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 62 | Trần Thị Huế               |            | 15/04/1982 | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 63 | Đỗ Tiến Thuận              | 28/01/1981 |            | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 64 | Nông Văn Ngoan             | 19/06/1984 |            | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 65 | Bùi Trần Tuyết Hạnh        |            | 09/11/1988 | Đại học  | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 66 | Trần Thị Thắm              |            | 10/07/1985 | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 01/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 01/2018 | 2.574.000 |
| 67 | Vũ Hoàng Cúc               |            | 02/04/1984 | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 01/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 01/2018 | 2.574.000 |
| 68 | Nguyễn Thiện Tín           | 02/10/1983 |            | Thạc sỹ  | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 69 | Nguyễn Thị Thu Trang       |            | 11/07/1985 | Đại học  | 01.003     | 3 | 3,00 | 0 | 06/2015 | 01.003     | 4 | 3,33 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 70 | Buôn Krông Thị Tuyết Nhung |            | 10/12/1969 | Tiến sỹ  | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 05/2014 | V.07.01.02 | 3 | 5,08 | 0 | 02/2018 | 2.210.000 |
| 71 | Nguyễn Thị Hoa             |            | 12/05/1984 | Đại học  | 16,126     | 1 | 2,34 | 0 | 05/2014 | 16,126     | 2 | 2,67 | 0 | 05/2018 | 858.000   |

|    |                      |            |            |             |            |   |      |   |         |            |   |      |   |         |           |
|----|----------------------|------------|------------|-------------|------------|---|------|---|---------|------------|---|------|---|---------|-----------|
| 72 | Nguyễn Duy Thịnh     | 04/05/1984 |            | Thạc sỹ     | V.07.01.03 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 73 | Trần Đại Phước       | 27/11/1983 |            | Thạc sỹ     | V.07.01.03 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2015 | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 74 | Nguyễn Văn Thành     | 18/01/1976 |            | BSCK C1     | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 75 | Phương Minh Hải      | 11/08/1974 |            | BSCK C1     | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 01/2015 | V.07.01.03 | 6 | 3,99 | 0 | 01/2018 | 2.574.000 |
| 76 | Đào Mai Luyến        | 22/12/1955 |            | Tiến sỹ     | V.07.01.02 | 6 | 6,10 | 0 | 03/2015 | V.07.01.02 | 7 | 6,44 | 0 | 03/2018 | 1.768.000 |
| 77 | Tạ Xuân Bầy          | 10/06/1972 |            | Đại học     | 01.003     | 4 | 3,33 | 0 | 06/2015 | 01.003     | 5 | 3,66 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 78 | Trương Hải           | 19/07/1971 |            | Thạc sỹ     | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 05/2014 | V.07.01.02 | 3 | 5,08 | 0 | 02/2018 | 2.210.000 |
| 79 | Vương Thị Kim Thoa   |            | 26/02/1988 | Đại học     | 06.031     | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | 06.031     | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 80 | Đặng Thị ánh         |            | 28/04/1977 | Đại học     | 06.031     | 3 | 3,00 | 0 | 05/2015 | 06.031     | 4 | 3,33 | 0 | 05/2018 | 858.000   |
| 81 | Trần Thanh Trúc      |            | 26/01/1974 | Chưa qua ĐT | 01.009     | 4 | 1,54 | 0 | 06/2016 | 01.009     | 5 | 1,72 | 0 | 06/2018 | 234.000   |
| 82 | Nguyễn Thị Hải       |            | 02/10/1967 | Chưa qua ĐT | 01.009     | 5 | 1,72 | 0 | 06/2016 | 01.009     | 6 | 1,90 | 0 | 06/2018 | 234.000   |
| 83 | Nguyễn Việt Hưng     | 08/09/1975 |            | Trung học   | 01.007     | 6 | 2,55 | 0 | 03/2016 | 01.007     | 7 | 2,73 | 0 | 03/2018 | 936.000   |
| 84 | Lê Thị Kim Tuyền     |            | 10/01/1988 | Thạc sỹ     | 01.003     | 2 | 2,67 | 0 | 02/2015 | 01.003     | 3 | 3,00 | 0 | 02/2018 | 2.145.000 |
| 85 | Mã Thị Kim Hà        |            | 17/07/1985 | Đại học     | 01.003     | 2 | 2,67 | 0 | 05/2015 | 01.003     | 3 | 3,00 | 0 | 05/2018 | 858.000   |
| 86 | Trần Thị Giang       |            | 07/11/1976 | Thạc sỹ     | 01.003     | 6 | 3,99 | 0 | 01/2015 | 01.003     | 7 | 4,32 | 0 | 01/2018 | 2.574.000 |
| 87 | Phạm Thị Huyền Trang |            | 02/12/1988 | Thạc sỹ     | V.07.05.15 | 2 | 2,67 | 0 | 03/2015 | V.07.05.15 | 3 | 3,00 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 88 | Lại Văn Vãn          | 23/04/1985 |            | Đại học     | V.07.05.15 | 3 | 3,00 | 0 | 01/2015 | V.07.05.15 | 4 | 3,33 | 0 | 01/2018 | 2.574.000 |
| 89 | Đinh Thị Ánh Tuyết   |            | 11/06/1985 | Chưa qua ĐT | 01.009     | 3 | 1,36 | 0 | 03/2016 | 01.009     | 4 | 1,54 | 0 | 03/2018 | 936.000   |
| 90 | Phạm Huy Tựa         | 21/12/1978 |            | Thạc sỹ     | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 91 | Trần Quốc Yên        | 09/11/1978 |            | Đại học     | V.07.01.03 | 4 | 3,33 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2018 | 429.000   |
| 92 | Vũ Xuân Chung        | 25/12/1980 |            | Thạc sỹ     | 01.003     | 4 | 3,33 | 0 | 03/2014 | 01.003     | 5 | 3,66 | 0 | 03/2018 | 1.716.000 |
| 93 | Phạm Thị Tinh        |            | 11/10/1963 | Chưa qua ĐT | 01.009     | 6 | 1,90 | 0 | 05/2016 | 01.009     | 7 | 2,08 | 0 | 05/2018 | 468.000   |
| 94 | Nguyễn Văn Quang     | 14/08/1985 |            | Cử nhân     | 01.003     | 2 | 2,67 | 0 | 04/2014 | 01.003     | 3 | 3,00 | 0 | 01/2018 | 2.574.000 |
| 95 | Nguyễn Quang Vinh    | 07/05/1977 |            | Tiến sỹ     | V.07.01.03 | 5 | 3,66 | 0 | 06/2015 | V.07.01.03 | 6 | 3,99 | 0 | 06/2018 | 429.000   |

II. CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ HƯU

|    |                 |            |  |         |            |   |      |   |         |            |   |      |   |         |         |
|----|-----------------|------------|--|---------|------------|---|------|---|---------|------------|---|------|---|---------|---------|
| 96 | Nguyễn Đức Tình | 04/05/1959 |  | Thạc sỹ | V.07.01.02 | 5 | 5,76 | 0 | 08/2015 | V.07.01.02 | 6 | 6,10 | 0 | 06/2018 | 442.000 |
|----|-----------------|------------|--|---------|------------|---|------|---|---------|------------|---|------|---|---------|---------|

III. CÁN BỘ, VIÊN CHỨC ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÊM PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG

|    |                 |            |  |         |            |   |      |   |         |            |   |      |   |         |         |
|----|-----------------|------------|--|---------|------------|---|------|---|---------|------------|---|------|---|---------|---------|
| 97 | Nguyễn Đăng Lan | 02/01/1960 |  | Đại học | V.07.01.03 | 9 | 4,98 | 0 | 04/2015 | V.07.01.03 | 9 | 4,98 | 5 | 04/2018 | 971.100 |
|----|-----------------|------------|--|---------|------------|---|------|---|---------|------------|---|------|---|---------|---------|

|     |                     |            |            |             |            |    |      |                                              |         |            |    |      |                                        |         |         |
|-----|---------------------|------------|------------|-------------|------------|----|------|----------------------------------------------|---------|------------|----|------|----------------------------------------|---------|---------|
| 98  | Nguyễn Thị Lương    |            | 10/10/1966 | Cao đẳng    | V.05.02.08 | 12 | 4,06 | 6%+0.28<br>hệ số<br>chênh<br>lệch bảo<br>lưu | 01/2017 | V.05.02.08 | 12 | 4,06 | 7%+0.28 hệ<br>số chênh lệch<br>bảo lưu | 01/2018 | 316.680 |
| 99  | Đỗ Thị Thược        |            | 20/06/1965 | Thạc sỹ     | V.07.01.03 | 9  | 4,98 | 8                                            | 06/2017 | V.07.01.03 | 9  | 4,98 | 9                                      | 06/2018 | 64.740  |
| 100 | Y Tú Niê            | 24/08/1961 |            | Đại học     | 01.003     | 9  | 4,98 | 5                                            | 03/2017 | 01.003     | 9  | 4,98 | 6                                      | 03/2018 | 258.960 |
| 101 | Trần Duy Nhất       | 29/08/1958 |            | Chưa qua ĐT | 01.011     | 12 | 3,48 | 6                                            | 01/2017 | 01.011     | 12 | 3,48 | 7                                      | 01/2018 | 271.440 |
| 102 | Ninh Siu Lâm        | 07/10/1961 |            | Chưa qua ĐT | 01.011     | 12 | 3,48 | 15                                           | 04/2017 | 01.011     | 12 | 3,48 | 16                                     | 04/2018 | 135.720 |
| 103 | Vũ Văn Luyện        | 10/04/1962 |            | Chưa qua ĐT | 01.011     | 12 | 3,48 | 13                                           | 04/2017 | 01.011     | 12 | 3,48 | 14                                     | 04/2018 | 135.720 |
| 104 | Nguyễn Thị Minh Hòa |            | 28/10/1976 | Chưa qua ĐT | 01.009     | 12 | 2,98 | 5                                            | 01/2017 | 01.009     | 12 | 2,98 | 6                                      | 01/2018 | 232.440 |

Danh sách gồm 104 người

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TS. Nguyễn Thanh Trúc**  
(Đã ký)